

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2020/DS-ST

Ngày: 25-9-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**

Bà **Lê Thị Ngọc Diệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020 và thông báo hoãn phiên tòa ngày 17/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Hồng P**, sinh năm 1967 và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1974; Cùng trú tại: Tổ 01, thôn Q, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng; Bà Nguyễn Thị H ủy quyền cho ông Phạm Hồng P tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 28/5/2020. Ông P có mặt.

- Bị đơn: Ông **Hồ Văn M**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số 17 đường D, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị N**; Nơi cư trú: Số 17 đường D, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020, bản tự khai ngày 21/7/2020 và tại biên bản hòa giải ngày 21/7/2020 thì nguyên đơn ông Phạm Hồng P, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn

Thị H có cho ông Hồ Văn M mượn số tiền 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*). Cụ thể như sau:

Ngày 10/10/2019, vợ chồng ông P, bà H cho ông Hồ Văn M mượn số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), hạn đến ngày 15/11/2019 sẽ trả.

Ngày 25/12/2019 vợ chồng ông P, bà H cho ông Hồ Văn M mượn số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) hạn đến đầu tháng 2/2020 trả đủ.

Số tiền cho mượn là tài sản chung của vợ chồng ông P, bà H nhưng khi viết giấy mượn tiền thì bà Huệ là người đứng tên cho mượn.

Đến hạn nhưng ông M không trả tiền, vợ chồng ông P, bà H nhiều lần yêu cầu ông M trả tiền nhưng ông M không trả. Ngày 15/01/2020, ông M đã viết giấy cam kết với vợ chồng ông P, bà H hạn 03 tháng sau, tức ngày 15/4/2020 sẽ trả đủ cho vợ chồng ông P, bà H số tiền 110.000.000 đồng.

Đến hạn ông M vẫn không trả nợ cho vợ chồng ông P, bà H như đã cam kết. Ông P đã nhiều lần xuống nhà vợ chồng ông M và bà Trần Thị N đòi tiền nhưng ông M vẫn không trả tiền. Vợ chồng ông M, bà N còn chửi bới, thách thức và lăng mạ ông P.

Nay vợ chồng ông P, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn M phải trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

Tại bản tự khai ngày 19 và ngày 20 tháng 7 năm 2020 và tại phiên hòa giải ngày 21/7/2020 bị đơn ông Hồ Văn M trình bày:

Vào ngày 07/10/2018, ông Hồ Văn M có vay của vợ chồng ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10%, sau đó tôi tiếp tục vay tiền của ông P, bà H nhiều lần, đến tháng 11/2019 thì ông M đã vay của vợ chồng ông P số tiền 100.000.000 đồng. Về việc trả lãi, thì mỗi tháng trả lãi 03 đợt, đợt 1 ngày 7 hàng tháng trả 2.000.000 đồng, đợt 2 ngày 14 hàng tháng trả 3.400.000 đồng, đợt 3 ngày 30 hàng tháng trả 4.600.000 đồng. Trong đó tháng 4/2019 ông M vay số tiền 80.000.000 đồng, nhưng vợ chồng ông P nói số tiền 80.000.000 đồng này là 10 ngày lấy lãi suất một lần, với mức lãi 30%/tháng. Lúc đó vì quá túng quẫn nên ông M phải chấp nhận vay tiền. Tổng cộng ông M đã vay của vợ chồng ông P, bà H số tiền 180.000.000 đồng. Đến ngày 30/12/2019, do ông P bà H tính lãi quá cao, ông M không trả nổi nên ngừng trả lãi và có trả tiền gốc cho ông P, bà H số tiền 70.000.000 đồng. Sau đó ông M và vợ chồng ông P, bà H viết lại giấy mượn tiền với số tiền 110.000.000 đồng. Ông M hứa qua tết sẽ trả hết số tiền vay cho vợ chồng ông P, thì vợ chồng ông P đồng ý. Tuy nhiên sau tết do tình hình dịch bệnh Covid-19, ông M không có việc làm nên chưa trả được tiền cho vợ chồng ông P, bà H. Ông P có xuống nhà đòi nợ và có hành vi làm ảnh hưởng đến tinh thần của vợ con ông.

Nay ông P, bà H khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn M trả số tiền 110.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi thì ông M có ý kiến như sau: Ông xác nhận đến ngày 21/7/2020 còn nợ vợ chồng ông P, bà H số tiền 110.000.000 đồng tiền gốc. Ông M đề nghị ông P, bà H xem lại phần tiền lãi mà ông đã trả trước đây khấu trừ tiền lãi vào khoản tiền gốc còn nợ, còn lại bao nhiêu ông M cam kết trả đủ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày: Vào năm 2018 và năm 2019 chồng bà là ông Hồ Văn M có vay tiền của vợ chồng ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H nhưng cả 2 bên đều không cho bà biết việc vay mượn tiền này. Vào tháng 3/2020 ông P có đến nhà bà gặp ông M để đòi tiền. Lúc đó bà mới biết chồng bà là ông M có vay nóng của vợ chồng ông P. Tháng 4/2020 anh P lại xuống nhà bà yêu cầu bà trả tiền cho chồng bà là ông Hồ Văn M. Nếu không trả ông P làm đủ cách ép bà phải trả, làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và tinh thần của các con bà. Nay ông P, bà H khởi kiện yêu cầu chồng bà là ông Hồ Văn M trả số tiền 110.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi thì bà có ý kiến như sau: Việc vay mượn tiền giữa chồng bà là ông Hồ Văn M với vợ chồng ông P, bà H không liên quan gì đến bà, bà hoàn toàn không biết. Bà đề nghị vợ chồng ông P, bà H và ông M tính toán, cân đối số tiền lãi đã nhận trừ vào số tiền gốc, còn lại bao nhiêu đề nghị ông M trả đủ cho vợ chồng ông P, bà H.

Tại phiên tòa nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hồng P trình bày giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Văn M phải trả lại cho vợ chồng ông số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Bị đơn ông Hồ Văn M xác nhận hiện nay còn nợ vợ chồng ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H số tiền gốc 110.000.000 đồng chưa thanh toán. Hiện nay do dịch bệnh công việc làm khó khăn nên ông sẽ trả lại cho vợ chồng ông P, bà H trong thời gian 1 đến 2 năm tới. Ngoài ra, ông M còn cho rằng quá trình vay tiền của vợ chồng ông P, bà H, ông đã trả lãi cho vợ chồng ông P, bà H với lãi suất 10%/tháng, số tiền mà ông M trả lãi cho vợ chồng ông P là khoảng 100 triệu đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến khoản tiền lãi mà ông đã trả cho vợ chồng ông P, bà H.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Trần Thị N cho rằng việc vay mượn tiền giữa ông Hồ Văn M và vợ chồng ông P, bà H thì bà không biết và cũng không liên quan đến bà nên bà không có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với khoản tiền mà ông M đã vay của vợ chồng ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản là tiền thông qua Giấy mượn tiền ngày 10/10/2019 và ngày 25/10/2019, vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Hồ Văn M có nơi cư trú tại: phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự qua xem xét ý kiến trình bày, lời khai của các đương sự trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về tính hợp pháp của hợp đồng vay tài sản: Tại các giấy vay tiền ngày 10/10/2019 và ngày 25/12/2019 thể hiện bà Nguyễn Thị H có cho ông Hồ Văn M mượn tổng số tiền 110.000.000 đồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận việc vay mượn tiền là hoàn toàn tự nguyện, các đương sự tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nội dung, mục đích của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản này có hiệu lực pháp luật đối với các chủ thể giao kết và được pháp luật bảo vệ, theo quy định tại Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về xác định số tiền vay: Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều khẳng định vào các ngày 10/10/2019 và ngày 25/12/2019 ông Hồ Văn M có mượn của vợ chồng ông P, bà H 02 lần với tổng số tiền 110.000.000 đồng. Khi viết giấy cho mượn tiền thì bà H là người đứng tên cho vay, nhưng đây là tài sản chung của cả hai vợ chồng. Ngày 15/01/2020, ông Hồ Văn M viết giấy cam kết hẹn ngày 15/04/2020 sẽ trả cho vợ chồng ông P, bà H số tiền 110.000.000 đồng. Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn M thừa nhận còn nợ vợ chồng ông P, bà H số tiền 110.000.000 đồng tiền gốc chưa trả. Theo giấy mượn tiền ngày 10/10/2019 và giấy mượn tiền ngày 25/12/2019 do nguyên đơn cung cấp thể

hiện: Ngày 10/10/2019 bà Nguyễn Thị H có cho ông Hồ Văn M vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 25/12/2019 bà Nguyễn Thị H có cho ông Hồ Văn M vay số tiền 10.000.000 đồng. Theo giấy cam kết ngày 15/01/2019 thể hiện ông Hồ Văn M cam kết đến ngày 15/4/2020 sẽ trả cho vợ chồng ông P và bà H số tiền 110.000.000 đồng. Như vậy, việc ông Hồ Văn M còn nợ vợ chồng ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H số tiền 110.000.000 đồng tiền gốc là có thật, được các bên đương sự thừa nhận, phù hợp với các giấy mượn tiền ngày 10/10/2019, ngày 25/12/2019 và giấy cam kết ngày 15/01/2020. Do đó, nguyên đơn ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn M phải trả lại cho ông P, bà H số tiền 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*) là có căn cứ phù hợp với Điều 466 của Bộ luật Dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Hồ Văn M phải trả lại cho ông P và bà H số tiền 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

[2.3] Về việc tính lãi và trả lãi theo trình bày của bị đơn: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H xác định cho ông Hồ Văn M vay tiền không tính lãi. Ông Hồ Văn M cho rằng, ông bắt đầu vay tiền của vợ chồng ông P từ cuối năm 2018 đến cuối năm 2019 với tổng số tiền gốc là 180.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Ông M thừa nhận chưa trả số tiền gốc cho vợ chồng ông P là 110.000.000 đồng nhưng ông M cho rằng số tiền lãi mà ông đã trả cho vợ chồng ông P là khoảng 100.000.000 đồng nên ông yêu cầu khấu trừ khoản tiền lãi này vào tiền gốc. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì cá nhân có quyền cho người khác vay tài sản có tính lãi suất, mức lãi suất là do các bên thỏa thuận, nếu lãi suất theo thỏa thuận của các bên vượt quá 20%/ năm thì phần vượt quá 20%/năm không có hiệu lực. Tại giấy mượn tiền ngày 10/10/2019 và giấy mượn tiền ngày 25/12/2019 giữa bà Nguyễn Thị H và ông Hồ Văn M không có nội dung nào thể hiện việc vay mượn tiền có tính lãi và mức lãi suất bao nhiêu phần trăm. Ông M cho rằng vợ chồng ông P cho vay tiền có tính lãi với mức lãi suất 10%/ tháng nhưng nguyên đơn vợ chồng ông P, bà H không thừa nhận. Bị đơn ông M cung cấp cho Tòa án 01 USB có chứa nội dung ghi âm cuộc gọi giữa ông và H, nhưng qua xem xét nội dung File ghi âm không có nội dung nào thể hiện việc tính lãi suất 10%/tháng và cũng không có nội dung nào thể hiện vợ chồng ông P, bà H đã nhận từ ông M số tiền lãi là bao nhiêu. Ngoài ra, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác thể hiện việc vay tiền có tính lãi suất, mức lãi suất và số tiền thực tế đã trả cho vợ chồng ông P, bà H. Trong khi đó bản thân bị đơn ông Hồ Văn M thừa nhận còn nợ vợ chồng ông P, bà H số tiền 110.000.000 đồng tiền gốc chưa trả. Do đó, việc bị đơn ông M cho rằng nguyên đơn ông P, bà H cho vay nặng lãi và đề nghị khấu trừ khoản tiền lãi mà ông

đã trả cho vợ chồng ông P vào số tiền gốc còn nợ là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Đối với 01 giấy phép lái xe đứng tên Hồ Văn M, giấy phép lái xe này ông M giao cho vợ chồng ông P, bà H làm tin để vay tiền. Sau khi ông M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông P, bà H thì vợ chồng ông P, bà H phải có nghĩa vụ trả lại giấy phép lái xe này cho ông M.

[4] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hồ Văn M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 302, 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H đối với ông Hồ Văn M về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Tuyên xử: Buộc ông Hồ Văn M phải trả cho ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H số tiền 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ông Hồ Văn M đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H thì ông P, bà H phải có nghĩa vụ trả lại 01 giấy phép lái xe đứng tên Hồ Văn M cho ông M.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn M phải chịu là: 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Phạm Hồng P và bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 2.750.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001132 ngày 26/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Cương

